

ẢNH HƯỞNG CỦA THỜI VỤ ĐẾN NĂNG SUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG GIỐNG NGÔ NÉP LAI HN88 TẠI THÁI NGUYÊN

Vũ Thị Vui¹, Trần Trung Kiên^{2*}

¹Trung tâm dạy nghề Cẩm Phả - Quảng Ninh,

²Trường Đại học Nông Lâm - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Thí nghiệm thời vụ đối với giống ngô nếp HN88, trên đất một vụ lúa tại phường Gia Sàng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Thí nghiệm với 5 thời vụ, thời vụ 1 (gieo ngày 9/2), thời vụ 2 (gieo ngày 19/2), thời vụ 3 (gieo ngày 1/3) thời vụ 4 (gieo ngày 11/3), thời vụ 5 (gieo ngày 21/3). Kết quả thí nghiệm cho thấy: Gieo càng sớm thời gian sinh trưởng càng dài, dao động từ 90- 99 ngày. Các thời vụ khác nhau đều không ảnh hưởng đến chiều cao cây, chiều cao đóng bắp của giống HN88, số lá, chỉ số diện tích lá của các thời vụ sớm cao hơn thời vụ muộn. Thời vụ 1, thời vụ 3 và 5 có khả năng chống đổ tốt. Giống bị nhiễm nhẹ sâu bệnh qua các thời vụ. Năng suất bắp tươi của giống ngô nếp HN88 qua các thời vụ biến động từ 85,71 - 135,7 tạ/ha, thời vụ gieo ngày 19/2 có năng suất cao nhất (135,7 tạ/ha), thời vụ gieo ngày 21/3 có năng suất bắp tươi thấp nhất (85,7 tạ/ha). Năng suất thân lá giảm qua các thời vụ trồng muộn. Thời vụ gieo ngày 9/2 có năng suất thân lá lớn nhất (33,44 tạ/ha), thời vụ gieo ngày 21/3 có năng suất thân lá là thấp nhất (21,47 tạ/ha).

Từ khóa: *Chất lượng, HN88, ngô nếp, Thái Nguyên, thời vụ.*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, khi mà đời sống con người ngày một nâng cao thì nhu cầu sử dụng ngô làm thực phẩm ngày càng lớn. Người ta sử dụng ngô từ làm rau cao cấp, các loại ngô nếp, ngô đường (ngô ngọt) dùng để ăn tươi (luộc, nướng), chế biến thành các món ăn được nhiều người ưa chuộng như ngô chiên, súp ngô, snack ngô hoặc đóng hộp làm thực phẩm xuất khẩu. Việc xuất khẩu các loại ngô thực phẩm mang lại hiệu quả kinh tế đáng kể cho một số nước như Thái Lan, Đài Loan... Ngoài sản phẩm chính, thân cây ngô còn là nguồn thức ăn xanh đáng kể cho gia súc.

Từ lâu, ngô nếp đã là nguồn lương thực quý của đồng bào dân tộc miền núi ở Đông Nam Á và là nguồn nguyên liệu quý cho công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp thực phẩm và công nghiệp dệt. Gần đây, vai trò của ngô nếp ngày càng được nâng lên nhờ những thành tựu trong việc nghiên cứu chọn tạo và mở rộng những giống lai cho năng suất khá cao mà vẫn giữ được chất lượng đặc biệt của nó.

Khác với ngô tẻ - năng suất hạt cuối cùng là mục đích của nhà tạo giống cũng như của người sản xuất, còn ngô nếp thì chất lượng

sản phẩm quyết định giá trị của nó. Trong thực tế, các giống ngô nếp địa phương có chất lượng thay đổi khi được trồng vào các vùng hoặc các mùa vụ khác nhau. Còn đối với ngô nếp lai, liệu chất lượng cũng có thay đổi khi được trồng vào các thời vụ khác nhau. Xuất phát từ những yêu cầu thực tế trên, chúng tôi tiến hành thực hiện đề tài: **“Nghiên cứu ảnh hưởng của thời vụ đến năng suất và chất lượng giống ngô nếp lai HN88 vụ Xuân 2013 tại Thái Nguyên”** nhằm xác định được thời vụ gieo trồng thích hợp cho giống ngô nếp lai HN88 trong vụ Xuân tại tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Vật liệu nghiên cứu

Giống ngô nếp HN88: Do công ty giống cây trồng TW1 nhập nội và tuyển chọn. Là giống ngô nếp lai ngắn ngày, năng suất cao, chất lượng rất ngon, ăn nguội vẫn dẻo, có vị đậm, thơm đặc trưng. Sinh trưởng khỏe, chống chịu sâu bệnh tốt, chịu hạn và rét rất tốt. Bắp to dài, lá bi kín, không hở đuôi chuột, năng suất bắp tươi đạt 18 - 20 tấn/ha, độ đồng đều bắp rất cao, tỷ lệ bắp loại 1 > 95%.

Nội dung nghiên cứu

- Xác định thời gian sinh trưởng qua các giai đoạn phát dục của giống ngô nếp lai HN88 qua các thời vụ gieo trồng khác nhau.

* Tel: 0983 360276

- Nghiên cứu đặc điểm hình thái và sinh lý của giống ngô nếp lai HN88 qua các thời vụ gieo trồng khác nhau.

- Nghiên cứu khả năng chống chịu sâu, bệnh hại và chống đổ của giống ngô nếp lai HN88 qua các thời vụ gieo trồng khác nhau.

- Xác định năng suất bắp tươi và thân lá tươi của giống ngô nếp lai HN88 qua các thời vụ gieo trồng khác nhau.

- Nghiên cứu chất lượng ngô nếp luộc chín qua phương pháp thử ném.

Phương pháp nghiên cứu

Thí nghiệm được bố trí theo khối ngẫu nhiên hoàn chỉnh (RCB) gồm 5 công thức (CT1: Gieo ngày 9/2; CT2: Gieo ngày 19/2; CT3: Gieo ngày 1/3; CT4: Gieo ngày 11/3; CT 5: Gieo ngày 21/3) với 3 lần nhắc lại. Diện tích ô thí nghiệm là 14 m² (5 m x 2,8 m). Khoảng cách giữa các lần nhắc lại là 1 m. Các giống thí nghiệm được gieo liên tiếp nhau, mỗi thời vụ gieo 4 hàng/ô, hàng cách hàng 70 cm, cây cách cây 25cm (mật độ 5,7 vạn cây/ha), gieo 2 hạt trên hốc và tía để một cây trên hốc. Các chỉ tiêu theo dõi được thực hiện ở 2 hàng giữa của ô. Xung quanh có băng bảo vệ, chiều rộng băng trồng ít nhất 2 hàng ngô, khoảng cách, mật độ như trong thí nghiệm. Các chỉ tiêu theo dõi tiến hành theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng của giống ngô QCVN01-56: 2011/BNNPTNT.

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Ảnh hưởng của thời vụ gieo trồng đến sinh trưởng và phát dục của giống ngô nếp lai HN88 trong vụ Xuân 2013 tại Thái Nguyên

Bảng 1. Thời gian sinh trưởng và phát dục ở các giai đoạn của các thời vụ trong thí nghiệm

Đơn vị: Ngày

Thời vụ	Thời gian từ gieo đến ...					
	Mọc	Trở cờ	Tung phần	Phun râu	Chín sữa	Chín sinh lý
1	7	65	66	65	83	99
2	7	60	61	60	80	96
3	7	57	58	57	79	95
4	5	56	57	56	75	91
5	4	56	57	56	74	90

Giai đoạn từ gieo tới mọc

Bảng số liệu 1 cho thấy: Thời vụ 1 (gieo ngày 9/2), thời vụ 2 (gieo ngày 19/2), thời vụ 3 (gieo ngày 1/3) gặp điều kiện bất thuận vì ngoại cảnh thời tiết mưa phùn làm cho ẩm độ cao nhưng nhiệt độ lại thấp (nhiệt độ 14- 17 °C, ẩm độ 65- 80%) nên thời gian từ gieo tới mọc là 7 ngày. Còn thời vụ 4 (gieo ngày 11/3), thời vụ 5 (gieo ngày 21/3) gặp điều kiện ngoại cảnh thuận lợi (nhiệt độ từ 20- 27 °C, ẩm độ từ 65- 78%) nên thời gian từ gieo đến mọc chỉ 4- 5 ngày.

Giai đoạn từ gieo đến trở cờ

Thời gian từ gieo đến trở cờ của các thời vụ biến động từ 56 - 65 ngày, trong đó thời vụ 1 (gieo ngày 9/2) dài nhất (65 ngày). Thời vụ 2 (gieo ngày 19/2) thời gian từ gieo đến trở cờ là 60 ngày, ở thời điểm này nhiệt độ trung bình 22 - 31°C. Thời vụ 3, thời vụ 4, thời vụ 5 (gieo ngày 1/3- 11/3- 21/3) thời gian từ gieo đến trở cờ là 56 - 57 ngày, khi đó nhiệt độ trong khoảng 25 - 32°C, thời gian này trời tiết dần chuyển sang mùa hè, nhiệt độ không khí tăng dần nên thời gian từ gieo đến trở cờ rút ngắn.

Giai đoạn từ gieo đến tung phần, phun râu

Qua theo dõi thí nghiệm cho thấy vụ Xuân tại Thái Nguyên thời vụ 1, thời vụ 2, thời vụ 3, thời vụ 4 trong thời gian tung phần phun râu thì có nhiệt độ nhìn chung là phù hợp cho thụ phấn thụ tinh. Còn thời vụ 5 trong giai đoạn này thì nhiệt độ không khí cao không thích hợp cho thụ phấn thụ tinh.

Khoảng thời gian giữa tung phần và phun râu tập trung, chênh lệch từ 0 - 1 ngày rất thuận lợi cho quá trình thụ phấn, thụ tinh.

Bảng 2. Một số đặc điểm hình thái và sinh lý của giống ngô nếp lai HN88 qua các thời vụ khác nhau

Thời vụ	Chiều cao cây (cm)	Chiều cao đóng bắp (cm)	Số lá/ cây (lá)	CSDTL (m^2 lá/ m^2 đất)
1	174	75	17,7 ^a	3,52 ^a
2	165	72	17,5 ^{ab}	3,50 ^a
3	164	75	18,0 ^a	3,02 ^b
4	171	76	16,6 ^c	2,80 ^{bc}
5	169	69	17,0 ^{bc}	2,68 ^c
CV (%)	5,22	10,06	1,63	5,69
LSD _{.05}	16,58	13,88	0,53	0,33
P	> 0,05	> 0,05	< 0,05	< 0,05

Giai đoạn chín sữa

Thời gian từ gieo tới chín sữa của các thời vụ biến động từ 74 - 83 ngày. Trong đó thời vụ 1 (gieo ngày 9/2) có thời gian từ gieo tới chín sữa là dài nhất (83 ngày), thời vụ 5 (gieo ngày 21/3) có thời gian từ gieo tới chín sữa là ngắn nhất (74 ngày). Qua đây chúng tôi thấy rằng các thời vụ càng gieo hạt muộn thì thời gian từ gieo tới chín sữa càng ngắn.

Ảnh hưởng của thời vụ gieo trồng đến đặc điểm hình thái và sinh lý của giống ngô nếp lai HN88 vụ Xuân 2013 tại Thái Nguyên**Chiều cao cây**

Qua bảng 2 cho thấy chiều cao cây của các thời vụ biến động không đáng kể từ 164 - 174 cm. Thời vụ 1 (gieo ngày 9/2) có chiều cao cây lớn nhất (174 cm), thời vụ 3 (gieo ngày 1/3) có chiều cao cây thấp nhất (164 cm). Tuy nhiên, theo kết quả xử lý thống kê $P > 0,05$ cho thấy ở các thời vụ khác nhau chiều cao cây là không có sự sai khác chắc chắn ở mức độ tin cậy 95%.

Chiều cao đóng bắp

Qua bảng 2 cho ta thấy chiều cao đóng bắp biến động trong khoảng 69 - 76 cm, chiếm 40,8 - 45,7 % chiều cao cây. Theo kết quả xử lý thống kê ở các thời vụ thì chiều cao đóng bắp không bị ảnh hưởng bởi yếu tố thời vụ ($P > 0,05$).

Số lá trên cây

Số lá trên cây của các thời vụ biến động trong khoảng 16,6 - 18,0 lá, thời vụ 1, 2 và 3 có số lá tương đương nhau và cao hơn so với thời vụ 4 và thời vụ 5 chắc chắn ở mức tin cậy 95%.

Chỉ số diện tích lá

Chỉ số lá của giống ngô nếp lai HN88 biến động trong khoảng từ 2,68 - 3,52 m^2 lá/ m^2 đất. Trong đó, thời vụ 1 (gieo ngày 9/2) và thời vụ 2 (gieo ngày 19/2) có chỉ số diện tích lá lớn nhất (3,00- 3,52 m^2 lá/ m^2 đất); thời vụ 3, 4 có chỉ số diện tích tương đương nhau; thời vụ 5 (gieo ngày 21/3) có chỉ số diện tích lá là nhỏ nhất (2,68 m^2 lá/ m^2 đất) ở mức độ tin cậy 95%.

Trạng thái cây, độ che kín bắp, màu hạt, dạng hạt của giống ngô nếp lai HN88 qua các thời vụ**Trạng thái cây**

Qua bảng 3 cho thấy các thời vụ tham gia thí nghiệm đều có trạng thái cây từ điểm 1 - 3, thời vụ 1 (gieo ngày 9/2) có trạng thái cây được đánh giá là tốt nhất (điểm 1), các thời vụ còn lại có trạng thái cây từ trung bình đến khá (điểm 2 - 3).

Độ che kín bắp: Độ che kín bắp của các thời vụ tương đối kín, lá bị bao kín đầu bắp (điểm 2).

Chỉ tiêu chịu hạn: Qua kết quả thí nghiệm ta thấy các thời vụ có khả năng chịu hạn tương đối tốt. Các thời vụ đầu có khả năng chịu hạn và chịu rét tốt hơn thời vụ sau, được đánh giá ở điểm 1. Chỉ có thời vụ 5 có khả năng chịu hạn kém hơn vì thời vụ này trồng muộn và khi mà ngô vào giai đoạn 8 - 9 lá và trước trở 10 ngày thì gặp thời tiết bất thuận đó là nhiệt độ không khí cao, ẩm độ thấp dẫn đến trạng thái lá và khả năng kết hạt của thời vụ này là khá (điểm 2).

Dạng hạt và màu sắc hạt: Dạng hạt và màu sắc hạt của các thời vụ là giống nhau: Dạng hạt bán đá, màu sắc hạt là trắng đục (điểm 2).

Bảng 3: Trạng thái cây, độ che kín bấp, chỉ tiêu chịu hạn, chịu rét, màu hạt, dạng hạt của giống ngô nếp lai HN88 qua các thời vụ

Thời vụ	TT. cây (điểm)	Độ che kín bấp (điểm)	Chỉ tiêu chịu hạn		Màu sắc hạt (điểm)	Dạng hạt (điểm)
			TT. lá ngô	KN. kết hạt		
1	1	2	1	1	2	2
2	1	2	1	1	2	2
3	2	2	2	1	2	2
4	2	2	2	1	2	2
5	3	2	2	2	2	2

Điểm: 1-5

Bảng 4. Tỷ lệ sâu bệnh và khả năng chống đổ của giống ngô nếp HN88 qua các thời vụ khác nhau

Thời vụ	Tỷ lệ nhiễm sâu bệnh					Tỷ lệ đổ gãy		
	Sâu xám (Điểm 1-5)	Sâu đục thân (Điểm 1-5)	Sâu cắn lá (Điểm 1-5)	Rệp cờ (Điểm 1-5)	Bệnh đốm lá (Điểm 1-5)	Bệnh khô vằn (Điểm 1-5)	Đổ rễ (%)	Gãy thân (Điểm 1-5)
1	2	1	1	1	1	1	0,0	1
2	2	1	1	1	1	1	13,8	1
3	1	2	1	1	2	2	1,3	1
4	2	2	1	1	2	2	7,0	1
5	3	2	1	1	2	2	4,0	1

Ảnh hưởng của thời vụ đến mức độ nhiễm sâu bệnh và khả năng chống đổ của giống ngô nếp lai HN88

Sâu xám

Kết quả ở bảng 4 cho thấy tỷ lệ cây bị sâu xám cắn biến động từ điểm 1 - 3. Thời vụ 3 (gieo ngày 01/3) bị sâu xám cắn phá thấp nhất (điểm 1). Thời vụ 5 (gieo ngày 21/3) bị sâu xám cắn phá nhiều nhất (điểm 3). Các thời vụ 1, 2, 4 có tỷ lệ bị sâu xám là trung bình (điểm 2).

Sâu đục thân

Từ bảng 4 cho thấy tỷ lệ nhiễm sâu đục thân của các thời vụ dao động từ điểm 1 - 2. Trong thí nghiệm thời vụ 3, 4, 5 bị sâu hại nặng (điểm 2), trong đó thời vụ 4 có tỷ lệ nhiễm cao nhất (24,5%); thời vụ 1, thời vụ 2 nhẹ hơn (điểm 1).

Sâu cắn lá

Theo dõi thí nghiệm chúng tôi thấy giống ngô nếp HN88 qua các thời vụ bị sâu cắn lá hại nhẹ (điểm 1)

Bệnh đốm lá

Qua theo dõi thí nghiệm chúng tôi nhận thấy: Thời vụ 3, thời vụ 4 và thời vụ 5 tỷ lệ nhiễm

bệnh đốm lá nặng hơn biến động từ 11,6 - 21,6%, được đánh giá ở điểm 2. Tỷ lệ nhiễm bệnh ở thời vụ 1 và thời vụ 2 nhẹ hơn biến động từ 8,2 - 9,0%, đánh giá ở điểm 1.

Bệnh khô vằn

Số liệu bảng 4 cho thấy: Thời vụ 1 và thời vụ 2 có tỷ lệ nhiễm bệnh khô vằn nhẹ biến động từ 7,3 - 8,6%, được đánh giá ở điểm 1. Còn các thời vụ 3, thời vụ 4 và thời vụ 5 có tỷ lệ nhiễm bệnh nặng hơn, được đánh giá ở điểm 2.

Tỷ lệ đổ rễ, gãy thân

Kết quả theo dõi ở bảng 4 cho thấy: Khả năng chống chịu với điều kiện bất thuận của các thời vụ tương đối tốt. Trong thí nghiệm các thời vụ có khả năng chống đổ biến động từ 0 - 13,8%, đánh giá từ điểm 1 - 2. Thời vụ 1, 3 và 5 có tỷ lệ đổ rễ từ 0 - 4% (điểm 1), trong đó thời vụ 1 không có cây nào bị đổ rễ (0%). Thời vụ 2 và 4 có tỷ lệ đổ rễ dao động 7,0-13,8% (điểm 2).

Ảnh hưởng của thời vụ gieo trồng đến năng suất của giống ngô nếp lai HN88

Số bấp trên cây

Qua bảng 5 cho thấy: trong thí nghiệm, các thời vụ có số bấp trên cây biến động từ 0,92 -

0,98 bắp/cây. Thời vụ 1 (gieo ngày 9/2), thời vụ 3 (gieo ngày 1/3) và thời vụ 5 (gieo ngày 21/3) có số bắp trên cây tương đương nhau cao hơn thời vụ 2 (gieo ngày 19/2) và thời vụ 4 (gieo ngày 11/3) chắc chắn ở mức độ tin cậy 95%.

Năng suất bắp tươi

Qua bảng 5 ta thấy năng suất bắp tươi biến động từ 85,7 - 135,7 tạ/ha. Trong đó thời vụ 2 (gieo ngày 19/2), thời vụ 3 (gieo ngày 1/3) có năng suất bắp tươi tương đương nhau và cao hơn so với các thời vụ khác ở mức độ tin cậy 95%. Thời vụ 5 (gieo ngày 21/3) có năng suất bắp tươi thấp nhất trong các thời vụ (85,7 tạ/ha). Điều đó chứng tỏ rằng thời vụ có ảnh hưởng rất lớn đến năng suất của ngô.

Năng suất thân lá

Trong thí nghiệm thời vụ chúng tôi thấy năng suất thân lá giảm qua các thời vụ. Thời vụ 1 (gieo ngày 9/2) có năng suất thân lá lớn nhất đạt (33,44 tạ/ha) cao hơn so với các thời vụ khác chắc chắn với độ tin cậy 95%. Các thời vụ sau có năng suất thân lá giảm dần. Thời vụ 5 (gieo ngày 21/3) có năng suất thân lá nhỏ nhất (21,47 tạ/ha). Đối với ngô nếp, ngoài việc khi thu hoạch bán bắp tươi thì chúng ta sử dụng thân lá tươi hoặc ủ chua làm thức ăn cho đại gia súc sẽ tăng hiệu quả kinh tế hơn nhiều cho người sản xuất.

Bảng 5. Số bắp trên cây, năng suất bắp tươi, năng suất thân lá của giống ngô nếp lai HN88 qua các thời vụ

Thời vụ	Số bắp /cây (bắp)	NS bắp tươi (tạ/ha)	NS thân lá (tạ/ha)
1	0,96 ^a	127,6 ^b	33,44 ^a
2	0,93 ^b	132,0 ^{ab}	29,26 ^b
3	0,98 ^a	135,7 ^a	26,41 ^{bc}
4	0,92 ^b	117,6 ^c	23,18 ^{cd}
5	0,95 ^{ab}	85,7 ^d	21,47 ^d
CV (%)	1,89	13,3	7,42
LSD _{.05}	0,03	29,96	3,74
P	<0,05	<0,05	<0,05

Bảng 6: Chất lượng thử nếm đối với ngô nếp lai HN88 qua các thời vụ khác nhau

Thời vụ	Độ dẻo	Hương thơm	Vị đậm	Độ ngọt	Màu sắc
					hạt bắp luộc
1	1	1	1	1	3
2	2	2	2	2	3
3	2	2	2	2	3
4	3	3	3	3	3
5	4	4	4	4	3

Đơn vị: Điểm 1 - 5

Chất lượng của giống ngô nếp lai HN88 qua các thời vụ gieo trồng

Qua bảng 6 cho thấy: Chất lượng của các thời vụ có sự thay đổi rõ rệt dao động từ điểm 1-4. Thời vụ 1 có chất lượng thử nếm là tốt nhất, được đánh giá ở điểm 1. Thời vụ 5 có chất lượng thử nếm là thấp nhất (điểm 4), bởi vì thời vụ 5 có ảnh hưởng rất lớn của nhiệt độ không khí và ẩm độ. Ở thời vụ này giai đoạn ngô tung phần phun râu gặp phải nhiệt độ cao từ 25 - 33⁰C, ẩm độ thấp từ 55 - 65%, đồng thời chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm ít cũng ảnh hưởng đến chất lượng. Do vậy mà cả năng suất và chất lượng của thời vụ 5 kém.

KẾT LUẬN

Thời gian sinh trưởng của giống ngô nếp lai HN88 qua các thời vụ biến động từ 90 - 99 ngày. Trong đó thời vụ gieo ngày 9/2 có thời gian sinh trưởng dài nhất (99 ngày), thời vụ gieo ngày 21/3 có thời gian sinh trưởng ngắn nhất (90 ngày). Ở vụ Xuân thì thời vụ gieo trồng sớm thì có thời gian sinh trưởng dài hơn so với các thời vụ gieo muộn. Các thời vụ khác nhau đều không ảnh hưởng đến chiều cao cây, chiều cao đóng bắp của giống HN88, số lá, chỉ số diện tích lá của các thời vụ sớm cao hơn thời vụ muộn.

Khả năng chống chịu: giống có khả năng chống đổ, gãy thân từ tốt đến khá qua các thời vụ, trong đó thời vụ 1, thời vụ 3 và 5 có khả năng chống đổ tốt. Giống bị nhiễm nhẹ sâu bệnh qua các thời vụ.

Năng suất bắp tươi của giống ngô nếp HN88 qua các thời vụ biến động từ 85,71 - 135,7 tạ/ha. Trong đó thời vụ gieo ngày 19/2 có năng suất cao nhất (135,7 tạ/ha). Thời vụ gieo ngày 21/3 có năng suất bắp tươi thấp nhất (85,7 tạ/ha). Năng suất thân lá: Năng suất thân lá giảm qua các thời vụ trồng muộn. Thời vụ gieo ngày 9/2 có năng suất thân lá lớn nhất đạt (33,44 tạ/ha). Thời vụ gieo ngày 21/3 có năng suất thân lá là thấp nhất (21,47 tạ/ha). Thời vụ gieo ngày 9/2 có chất lượng thử nếm tốt nhất.

Do đây là kết quả nghiên cứu về thời vụ gieo trồng ngô nếp lai trong vụ Xuân đầu tiên tại Thái Nguyên nên để có kết quả chính xác và đầy đủ hơn chúng tôi đề nghị tiếp tục tiến hành thí nghiệm nghiên cứu vào những vụ tiếp theo để có kết luận đầy đủ hơn.

SUMMARY

THE IMPACT OF PLANTING DAY ON YIELD AND QUALITY OF STICKY HYBRID MAIZE HN88 IN THAI NGUYEN

Vũ Thị Vui¹, Trần Trung Kiên^{2*}

¹Cam Pha Vocational training Center – Quang Ninh Province,

²College of Agriculture and Forestry - TNU

Experiments of planting days for sticky maize variety HN88 were conducted on one-rice-crop land in Gia Sang Ward, Thai Nguyen city, Thai Nguyen province. Experiments included 5 planting days: planting day No.1 (sown 9/2), planting day No.2 (sown 19/2), planting day No.3 (sown 11/3), planting day No.4 (sown 11/3), planting day No.5 (sown 21/3). Experimental results showed that: The earlier the seeds was sown, the longer the growing time was, ranged from 90-99 days. The different planting days did not affect on plant height, corncob-made height of HN88; number of leaves, leaf area index of treatments of sooner planting days were higher than the later. Treatments no. 1, 3 and 5 had good falling resistant. HN88 maize variety was lightly infected by insect and diseases on such treatment of planting days. The yield of fresh corn of HN 88 in experimental treatments ranged from 8.57 to 13.57 tons/ha, treatment of sowing on 19/2 had the highest yield (13.57 tons/ha), treatment of sowing on 21/3 had the lowest yield (8.57 tons/ha). Yield of stems and leaves decreased through late planting days. Treatment of sowing on 9/2 had the highest yield (stems – leaves) – 3.34 tons/ha, treatment of sowing on 21/3 had the the lowest yield (2.15 tons/ha).

Keywords: HN88, planting days, sticky maize, Thai Nguyen, yield

Ngày nhận bài: 10/3/2014; Ngày phản biện: 27/3/2014; Ngày duyệt đăng: 5/5/2014

Phản biện khoa học: PGS.TS Nguyễn Hữu Hồng – Trường Đại học Nông Lâm - DHTN

* Tel: 0983 360276